

Số: 97/2020/QĐST- HNGĐ

Tam Điệp, ngày 18 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Nh và anh Bùi Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung, con riêng:

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị Nh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục ba cháu Bùi Vũ Thùy D, sinh ngày 25/9/2014, cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 02/5/2018 và cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 02/5/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu kể từ tháng 01/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị Vũ Thị Nh và anh Bùi Văn Đ đều không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Hiện chị Nh không có thai

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Vũ Thị Nh và anh Bùi Văn Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vũ Thị Nh phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2016/0001633 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Chị Vũ Thị Nh đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã Q, thành phố T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Vũ Ngọc Tú